

theo Quyết định số 83/2000/QĐ-BTC ngày 29/5/2000 của Bộ Tài chính ban hành mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 4. Tổ chức thuộc đối tượng nộp lệ phí đăng ký kinh doanh, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thu lệ phí đăng ký kinh doanh và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

VŨ VĂN NINH

BỘ THỦY SẢN

CHỈ THỊ số 07/2001/CT-BTS ngày 24/9/2001 về việc cấm sử dụng chloramphenicol và quản lý việc dùng hóa chất, thuốc thú y trong sản xuất thủy sản.

Cuối tháng 8 đầu tháng 9 năm 2001, một số lô tôm của Việt Nam xuất khẩu vào EU bị phát hiện nhiễm chloramphenicol đã dẫn đến việc Ủy ban Châu Âu ra Quyết định số 2001/699/EC ngày 19/9/2001 yêu cầu các nước thành viên EU buộc mọi lô tôm xuất phát hoặc xuất xứ từ Việt Nam phải chịu kiểm tra hóa học, đồng thời yêu cầu các nước thành viên đưa lên mạng cảnh báo nhanh kết quả kiểm tra đến tất cả các nước thành viên EU.

Nhằm giữ vững nhịp độ xuất khẩu, bảo vệ uy tín hàng thủy sản Việt Nam trên thị trường thế giới và tránh hậu quả xấu có thể xảy ra trong xuất khẩu vào EU, Bộ trưởng Bộ Thủy sản chỉ thị:

1. Nghiêm cấm hoàn toàn việc sử dụng chloramphenicol trong toàn bộ quá trình sản xuất giống, nuôi trồng thủy sản, sơ chế, bảo quản và chế biến thủy sản. Việc sử dụng các kháng sinh khác trong nuôi trồng thủy sản phải đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Bộ Thủy sản.

2. Đối với Trung tâm Kiểm tra chất lượng và vệ sinh thủy sản:

a) Thực hiện trong tháng 10 năm 2001 kế hoạch kiểm tra tăng cường, bao gồm:

- Tổ chức lấy mẫu kiểm tra tăng cường các chỉ tiêu hóa chất, thuốc thú y đặc biệt là chloramphenicol tại các vùng nuôi thủy sản, tập trung vào các vùng nuôi bán thâm canh, thâm canh và các vùng có dịch bệnh;

- Phối hợp với cơ quan kiểm tra địa phương tăng cường kiểm tra việc sử dụng hóa chất, thuốc thú y đặc biệt là chloramphenicol trong bảo quản, sơ chế tại tàu đánh bắt, đại lý thu gom, bảo quản và vận chuyển tôm nguyên liệu;

- Tăng cường kiểm tra khâu tiếp nhận nguyên liệu tôm nuôi tại các doanh nghiệp chế biến thủy sản và lấy mẫu các nguồn nước sử dụng để kiểm tra dư lượng chloramphenicol, kiểm soát việc sử dụng hóa chất bảo quản, hóa chất tẩy rửa khử trùng (ví dụ: kem hoặc thuốc xoa tay đối với công nhân chế biến) có chứa chloramphenicol;

- Công bố rộng rãi kết quả kiểm soát dư lượng tới các doanh nghiệp chế biến, các Sở Thủy sản và các trại nuôi;

b) Phối hợp với Trung tâm Khuyến ngư Trung ương tổ chức các lớp tập huấn cho ngư dân các quy định về sử dụng thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học trong nuôi trồng thủy sản;

c) Có thư gửi Ủy ban EU thông báo các hoạt động kiểm tra tăng cường dư lượng hóa chất độc hại, trong đó có chloramphenicol trong hàng thủy sản Việt Nam và đề nghị EU thông báo cho Việt Nam về phương pháp và thiết bị kiểm tra áp

dụng thống nhất trong EU và các nước xuất khẩu thủy sản vào EU;

d) Tổng hợp và báo cáo Bộ trước ngày 30 tháng 10 năm 2001;

e) Kinh phí triển khai các hoạt động kiểm tra được hỗ trợ từ nguồn kinh phí khoa học công nghệ.

3. Các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản:

a) Phổ biến Chỉ thị này tới các chủ trại giống, các chủ đầm nuôi, đại lý thu gom nguyên liệu thủy sản, các cơ sở chế biến thủy sản và phối hợp kiểm tra thực hiện. Lưu ý tuyệt đối không sử dụng chloramphenicol trong sản xuất thủy sản. Đối với các trường hợp đã sử dụng kháng sinh khác để phòng trị dịch bệnh cho thủy sản nuôi cần đảm bảo thời gian ngừng sử dụng trước khi thu hoạch là 4 tuần;

b) Chỉ đạo cơ quan kiểm tra địa phương, Trung tâm Khuyến ngư địa phương chủ trì phối hợp với Trung tâm và các Chi nhánh Kiểm tra chất lượng và vệ sinh thủy sản triển khai các hoạt động nói tại mục a điểm 2.

4. Đối với các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu vào EU: Chịu trách nhiệm về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm do mình sản xuất, cụ thể là:

a) Phải đảm bảo các lô nguyên liệu được mua từ những vùng được phép thu hoạch theo thông báo hàng tháng của Trung tâm Kiểm tra chất lượng và vệ sinh thủy sản về kết quả kiểm soát dư lượng hóa chất độc hại trong thủy sản nuôi để chế biến xuất khẩu;

b) Trong quá trình tiếp nhận nguyên liệu, phải kiểm tra chặt chẽ chất lượng và an toàn vệ sinh, đặc biệt là các lô tôm xuất xứ từ những vùng có dịch bệnh. Trong thời gian này, doanh nghiệp cần phải thường xuyên gửi mẫu nguyên liệu đến Chi nhánh Kiểm tra chất lượng và vệ

sinh thủy sản IV để kiểm tra đối với dư lượng kháng sinh và chloramphenicol;

c) Nghiêm cấm việc sử dụng các loại hóa chất tẩy rửa và khử trùng (ví dụ: các loại kem xoa tay, thuốc bôi ngoài da cho công nhân trong thời gian sản xuất) có chứa chloramphenicol.

5. Đối với Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản:

a) Chủ trì phối hợp với Trung tâm Kiểm tra chất lượng và vệ sinh thủy sản và Vụ Khoa học công nghệ nghiên cứu các văn bản của CODEX, EU, Mỹ và các nước khác, văn bản của các Bộ, ngành trong nước để đề xuất Bộ ban hành các danh mục thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học được phép sử dụng/được phép sử dụng hạn chế/cấm sử dụng trong nuôi, bảo quản nguyên liệu sau thu hoạch và chế biến thủy sản;

b) Chủ trì việc kiểm tra thực hiện Chỉ thị này tại các cơ sở sản xuất giống thủy sản;

c) Phối hợp với Trung tâm Kiểm tra chất lượng và vệ sinh thủy sản, Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản, các Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, các Trung tâm Khuyến ngư tại địa phương thực hiện các nội dung tại mục a điểm 2.

6. Đối với Trung tâm Khuyến ngư Trung ương:

Chủ trì và phối hợp với Trung tâm Kiểm tra chất lượng và vệ sinh thủy sản, Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản khẩn trương tổ chức các lớp tập huấn cho dân về các quy định sử dụng thuốc thú y, hóa chất và chế phẩm sinh học trong nuôi trồng thủy sản.

Lãnh đạo các đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện và kiểm tra việc chấp hành Chỉ thị này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Thủy sản

Thứ trưởng

NGUYỄN THỊ HỒNG MINH